UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 854 /TTr-STNMT

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH
Quyết định chủ trương đầu tư dự án "Hệ thống thông tin quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa"

Kính gửi: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TWw ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Công văn số 6294-CV/VPTU ngày 22/5/2025 của Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa về việc khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số năm 2025;

Căn cứ thông báo số 73/TB-UBND ngày 15/5/2025 nội dung: Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ động triển khai, hướng dẫn các doanh nghiệp khai thác mỏ thực hiện lắp đặt các thiết bị quản lý, giám sát tại khu vực mỏ theo quy định (trạm cân, camera, quản lý theo AI để theo dõi hoạt động khai thác, ngăn chặn khai thác trái phép và kiểm soát số lượng xe ra vào mỏ ...);

Căn cứ Công văn số 9193/UBND-CNXDKH ngày 17/6/2025 của UBND

tỉnh Thanh Hóa về việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn các doanh nghiệp khai thác khoáng sản thực hiện lắp đặt các thiết bị quản lý, giám sát tại khu vực mỏ.

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo, trình Chủ tịch UBND tỉnh cho phép Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện dự án: **"Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa"** với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường.

3. Đối tượng thụ hưởng của dự án: Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa. Địa chỉ: 49 Đại lộ Lê Lợi, Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hoá.

5. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án (làm tròn): 5.624.000.000 ***(Bằng chữ: Năm tỷ, sáu trăm hai mươi tư triệu đồng)***

- Trong đó:

STT	Khoản mục Chi phí	Thành tiền đã có thuế (VNĐ)	Ghi chú
1	Chi phí xây lắp	0	
2	Chi phí thiết bị	4.947.845.986	
3	Chi phí quản lý dự án	63.780.459	
4	Chi phí tư vấn đầu tư	122.259.549	
5	Chi phí khác	222.703.831	
6	Chi phí dự phòng	267.829.491	
	Tổng cộng	***5.624.419.316***	
	Làm tròn	**5.624.000.000**	

- Nguồn vốn: Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước (chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số).

6. Thời gian thực hiện: 2025 - 2026

7. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường.

8. Các thông tin khác:

- Hình thức quản lý dự án: Theo quy định của pháp luật.

- Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư

1.1. Xuất phát từ hiện trạng và nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động điều hành tác nghiệp của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

1.1.1. Về hạ tầng công nghệ thông tin

Hệ thống mạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa được chia thành các phân vùng riêng biệt, gồm có:

+ Phân vùng mạng TSLCD kết nối vào mạng TSLCD cấp 2 của tỉnh.

+ Phân vùng mạng Internet sử dụng thiết bị router Draytek 2960.

+ Phân vùng TSL thực hiện kết nối 23 nhà máy phục vụ việc giám sát, quan trắc xả thải.

+ Phân vùng DMZ đặt các máy chủ của hệ thống thông tin tài nguyên môi trường, hệ thống CSDL về tài nguyên và môi trường biển tỉnh Thanh Hóa, chia sẻ dịch vụ tới cơ sở đất đai quốc gia.

+ Phân vùng mạng nội bộ gồm các thiết bị đầu cuối của người sử dụng.

Hiện nay Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa được cấp phát hạ tầng phần cứng cho phục vụ theo dõi, quản lý thông tin, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản.

1.1.2. Về ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn

Trong công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, phần mềm sau đang được Sở sử dụng, vận hành:

+ Phần mềm hỗ trợ cập nhật dữ liệu và quản lý hoạt động khoáng sản

Phần mềm trên chỉ hỗ trợ cập nhật dữ liệu, chưa có các chức năng quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản.

1.1.3. Về nguồn nhân lực

Về nguồn nhân lực quản trị, vận hành hệ thống CNTT tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: Hiện tại, Sở Nông nghiệp và Môi trường có 01 đơn vị phụ trách về công nghệ thông tin là Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường. Tại đơn vị có 05 cán bộ công chức có trình độ Kỹ sư CNTT và Cử nhân tin học tham gia quản trị hệ thống các phần mềm, phần cứng. Cụ thể:

- Nhân sự quản lý chung: 01 nhân sự.

- Nhân sự chuyên trách CNTT, quản trị hệ thống phần cứng: 02 nhân sự.

- Nhân sự chuyên trách vận hành, quản lý ứng dụng/CSDL: 02 nhân sự.

Về nguồn nhân lực các đơn vị thụ hưởng, khai thác:

- Phòng Địa chất và Khoáng sản;

- Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và Môi trường;

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Với:

(Hiện trạng hạ tầng, ứng dụng CNTT, hiện trạng hồ sơ và nguồn nhân lực chi tiết theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đính kèm).

1.2. Xuất phát từ bối cảnh và xu thế chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

Hiện nay, Đảng và Nhà nước xác định khoáng sản là tài nguyên không tái tạo, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh tài nguyên quốc gia. Tuy nhiên, hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản cần phải được quản lý chặt chẽ, minh bạch và tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và nghĩa vụ với Nhà nước.

Tại điểm h, i, Điều 59, Luật khoáng sản số 54/2024/QH15 về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có quy định: Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có các nghĩa vụ:

"h) Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết ni với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định tại Điều 108 của Luật này;

i) Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo".

Tại khoản 2, điều 42 văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BTNMT về xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế có quy định: "*Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, trừ hộ kinh doanh phải lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác; lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu trữ thông tin, số liệu liên quan*"…

Bên cánh đó, trên địa bàn tỉnh có 557 khu vực mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và khoáng sản thuộc khu vực phân tán nhỏ, lẻ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh được quy hoạch thăm dò, khai thác, cụ thể:

- Đá làm vật liệu xây dựng thông thường: có 187 khu mỏ, với tổng diện tích 3.976 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 652 triệu m^3.

- Đất làm vật liệu xây dựng thông thường: có 233 mỏ, diện tích khoảng 2.469 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 652 triệu m^3 trong đó:

+ Đất san lấp: có 156 mỏ với tổng diện tích khoảng 1.659 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo 183 triệu m^3;

+ Đất đắp đê: có 17 mỏ, diện tích 369 ha, trữ lượng khoảng 26 triệu m^3.

+ Đất sét sản xuất gạch tuynel: có 60 mỏ, diện tích 441 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 26 triệu m^3.

- Cát làm vật liệu xây dựng: có 124 mỏ, điểm mỏ, với tổng diện tích 571 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 18 triệu m^3.

- Mỏ khoáng sản phân tán nhỏ lẻ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho tỉnh: có 13 mỏ, với tổng diện tích 146 ha, trữ lượng khoảng 649.351 tấn.

Đếnn nay UBND tỉnh Thanh Hóa đã cấp 330 giấy phép khai thác thuộc thẩm quyền. Như vậy, Thanh Hóa là một tỉnh có tiềm năng tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng rất lớn, đa dạng về chủng loại và phân bố rộng khắp trên địa bàn. Với tổng số 557 khu vực mỏ được quy hoạch, trong đó có các loại như đá, đất san lấp, đất đắp đê, đất sét làm gạch tuynel, cát và khoáng sản phân tán nhỏ lẻ, tổng trữ lượng dự báo lên tới hàng trăm triệu m^3 và hàng trăm nghìn tấn. Đây là nguồn lực quan trọng phục vụ cho các nhu cầu phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng dân dụng, công nghiệp và các công trình trọng điểm trong và ngoài tỉnh, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để Thanh Hóa thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp khai thác, chế biến vật liệu xây dựng theo hướng bền vững và hiệu quả.

Tuy nhiên, hiện nay hoạt động giám sát khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa còn chưa được quan tâm đúng mức, nhiều khu vực mỏ chưa được đầu tư đầy đủ các thiết bị giám sát như trạm cân, camera giám sát tại khu vực ra vào mỏ, hệ thống định vị phương tiện, hay các giải pháp quản lý sản lượng, vận chuyển theo quy định. Công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác chủ yếu vẫn thực hiện thủ công, định kỳ, chưa có hệ thống theo dõi trực tuyến, dẫn đến nguy cơ thất thu thuế, phí tài nguyên, khai thác vượt công suất, sai phép và tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng môi trường, an toàn lao động.

Ngoài ra, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu khai thác giữa doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và các hệ thống thông tin liên quan cũng còn nhiều hạn chế, chưa đồng bộ, làm giảm hiệu quả quản lý tổng thể tài nguyên khoáng sản trên địa bàn. Thực tiễn đặt ra yêu cầu cần sớm Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, tích hợp các thiết bị giám sát vào một nền tảng chung, kết nối với trung tâm điều hành của tỉnh, nhằm kiểm soát chặt chẽ sản lượng khai thác, vận chuyển, đảm bảo khai thác đúng quy hoạch, đúng giấy phép và hạn chế tối đa thất thoát tài nguyên.

2. Mục tiêu, quy mô dự án

2.1. Mục tiêu đầu tư

Dự án "Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa" nhằm tăng cường công tác quản

lý, giám sát các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh, hạn chế các tình trạng khai thác trái phép, khai thác vượt phép quy định.

2.2. Quy mô đầu tư

Đầu tư "Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa" bao gồm các hạng mục sau:

- Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để giám sát các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

- Thuê dịch vụ công nghệ thông tin; quản trị vận hành hệ thống; bảo trì hệ thống;

- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án "Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa".

Trên đây là nội dung đề xuất triển khai thực hiện dự án: "Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa", Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Phòng ĐCKS, Trung tâm DLTT, Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Lưu: VT, TTDLTTTNMT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THANH HÓA

Cao Văn Cường